

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH HẬU GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 89/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30/12/2020
Về việc: “Tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tiến Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Châu Văn Bằng
2. Ông Võ Văn Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Diễm My – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 264/2020/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2020 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1998; Trú tại: tổ 47, khóm Đ, phường Đ, thị xã B, tỉnh V (có mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Hoàng A, sinh năm 1991; Trú tại: ấp Đ, xã Đ, huyện C, tỉnh H (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 17/9/2020, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn Hoàng A làm lễ cưới và chung sống với nhau vào năm 2017, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, nhưng không đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu

thuần do anh Hoàng A không có trách nhiệm với gia đình, từ đó anh chị xảy ra cự cãi và cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Chị T và anh Hoàng A chính thức ly thân từ tháng 03/2018 đến nay.

Về con chung: Nguyễn Hoàng L, sinh ngày: 9/03/2018, từ khi ly thân đến nay chị T nuôi dưỡng.

Về tài sản chung; nợ chung: Không có

Nay chị T yêu cầu Tòa án không công nhận chị T và anh Nguyễn Văn Hoàng A là vợ chồng; Về con chung: chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng L, sinh ngày: 9/03/2018 đến khi trưởng thành (tròn 18 tuổi), không yêu cầu anh Hoàng A cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung; nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn Hoàng A đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần, nhưng vẫn vắng mặt không đến Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Châu Thành phát biểu quan điểm: Về phần thủ tục từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng. Người tham gia tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại Điều 71 BLTTDS năm 2015. Riêng bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 72, không có mặt khi Tòa án triệu tập. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Bích T và anh Nguyễn Văn Hoàng A là vợ chồng

Về con chung: Chị T được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Hoàng L, sinh ngày: 9/03/2018, anh Hoàng A chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu

Về tài sản chung và nợ chung: Không có

Phản án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn Hoàng A đã được Tòa án nhân dân huyện Châu Thành triệu tập họp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bích T và anh Nguyễn Văn Hoàng A chung sống kết hôn với nhau vào năm 2017, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, do anh chị không thật sự tin yêu và quan tâm chăm sóc cho nhau, nên anh chị thường xuyên xự cãi và đã ly thân từ tháng 03/2018 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị T vẫn kiên quyết ly hôn, anh Hoàng A được địa phương xác nhận là có mặt ở địa phương nhưng quá trình giải quyết vụ án anh Hoàng A vẫn vắng mặt, dù anh đã biết việc chị T khởi kiện xin ly hôn với anh. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, nhưng vì anh chị không làm giấy kết hôn nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng L, sinh ngày: 9/03/2018 đến khi trưởng thành (tròn 18 tuổi). Xét thấy cháu L được chị T chăm sóc nuôi dưỡng chu đáo từ khi anh chị ly thân đến nay và chị T có đủ điều kiện để nuôi con, có xác nhận của địa phương, hơn nữa tại thời điểm xét xử cháu L chưa tròn 36 tháng tuổi. Vì vậy xét về điều kiện mọi mặt nhằm bảo đảm quyền lợi cho cháu L, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, anh Hoàng A chưa phải cấp dưỡng, do chị T không yêu cầu. Dành quyền tới lui thăm và chăm sóc con chung cho anh Hoàng A, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung; nợ chung: Đương sự khai không có, nên không xem xét giải quyết

[5] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 14, 15, 51, 53, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; Các Điều 35, 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Bích T và anh Nguyễn Văn Hoàng A là vợ chồng.

Về con chung: chị Nguyễn Thị Bích T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng L, sinh ngày: 9/03/2018 đến khi trưởng thành (tròn 18 tuổi), anh Nguyễn Văn Hoàng A chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Dành quyền tới lui thăm và chăm sóc con chung cho anh Hoàng A, không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có, nên không đặt vấn đề giải quyết.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã đóng theo biên lai số 0004318 ngày 04/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hậu Giang;
- VKSND h. Châu Thành;
- THA h. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phạm Tiến Dũng